



PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ PHÒNG KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 - NĂM HỌC 2026-2027

Ngày	Buổi	Ca	Môn	Số HS mỗi phòng	TS HS	Số phòng kiểm tra	Bố trí phòng kiểm tra	SL phòng sử dụng	Ghi chú
1	Sáng	1	Văn 12	24	566	24	P1-24	24	P23-24 (19hs)
		2	Sử 10	28	585	21	P1-21	37	P21 (25 hs)
			Sử 11	28	452	16	P22-37		P34-37 (29 hs)
	Chiều	1	Toán 12	24	566	24	P1-24	24	P23-24 (19hs)
		2	Ngoại ngữ 10 - Anh	28	558	20	P1-20	38	P20 (26 hs)
			Ngoại ngữ 10 - Pháp	27	27	1	P21		P21 (27 hs)
			Ngoại ngữ 11 - Anh	28	436	16	P22-37		P36-37 (22 hs)
			Ngoại ngữ 11 - Pháp	16	16	1	P38		P38 (16 hs)
2	Sáng	1	Văn 10	28	585	21	P1-21	37	P21 (25 hs)
			Văn 11	28	452	16	P22-37		P34-37 (29 hs)
		2	Công nghệ 11	28	169	6	P1-6	36	P6 (29 hs)
			KTPL 11	28	161	6	P7-12		P11 (25 hs); P12 (24 hs)
			Sử 12	24	566	24	P13-36		P35-36 (19 hs)
	Chiều	1	Toán 10	28	585	21	P1-21	37	P21 (25 hs)
			Toán 11	28	452	16	P22-37		P34-37 (29 hs)
		2	KTPL 10	28	328	12	P1-12	37	P11-12 (24 hs)
			Ngoại ngữ 12 - Anh	24	534	23	P13-35		P34-35 (15 hs)
			Ngoại ngữ 12 - Pháp	16	32	2	P36-37		
3	Sáng	1	Hóa 10	28	421	15	P1-15	37	P15 (29 hs)
			Lí 12	24	528	22	P16-37		
		2	Lí 10	28	498	18	P1-18	37	P17-18 (25 hs)
			Hóa 12	24	444	19	P19-37		P36-37 (18 hs)
	Chiều	1	Công nghệ 10	28	212	8	P1-8	28	P7-8 (22 hs)
			Lí 11	28	394	14	P9-22		P21-22 (29 hs)
			Công nghệ 12	24	128	6	P23-28		P27-28 (16 hs)
		2	Hóa 11	28	370	13	P1-13	24	P8-13 (29 hs)
			KTPL 12	24	256	11	P14-24		P23-24 (20 hs)
4	Sáng	1	Sinh 10	28	129	5	P1-5	24	P4 (23 hs); P5 (22 hs)
			Sinh 11	24	95	4	P6-9		P9 (23 hs)
			Sinh 12	24	355	15	P10-24		P23 (22 hs); P24 (21 hs)
		2	Tin 10	28	381	14	P1-14	37	P13 (23 hs); P14 (22 hs)
			Tin 11	28	341	12	P15-26		P22-26 (29 hs)
			Tin 12	24	253	11	P27-37		P36 (19 hs); P37 (18 hs)
		3	Địa 10	28	371	13	P1-13	36	P7-13 (29 hs)
			Địa 11	28	278	10	P14-23		P23 (26 hs)
			Địa 12	24	300	13	P24-36		P35-36 (18 hs)